

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2019/HS-ST**
Ngày 24 tháng 7 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thề.

Ông Trần Khắc Viện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2019/TLST-HS ngày 12/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HS ngày 10/7/2019 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Nguyễn Đức L**, sinh ngày 20/3/1988 tại S, Tuyên Quang; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không

- Tiền án: Có 02 tiền án.

+ Bản án số 45 ngày 26/01/2016 của TAND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (TS chiếm đoạt 11.160.000 đồng) và 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 04/11/2016 thi hành xong bản án.

+ Bản án số 59 ngày 05/9/2017 của TAND huyện S xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (TS chiếm đoạt 2.500.000 đồng) và 200.000 đồng án phí HSST, ngày 20/10/2017 thi hành xong án phí. Ngày 18/3/2018 thi hành xong hình phạt tù.

- Nhân thân: Quyết định số 32 ngày 29/3/2019 của Chủ tịch UBND phường N, quận Đ, TP Hà Nội giao cho cơ sở cai nghiện số 4 thuộc xã Y, B, Hà Nội để áp dụng cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức L.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 10/8/1984 tại S, Tuyên Quang. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim L (Nguyễn Thị L), sinh năm 1945; Vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1983; Có 01 con, sinh năm 2016; Tiền sự: Không

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 126/2015/HSST ngày 22/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt Nguyễn Văn T 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 09/02/2018, Nguyễn Văn T đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Nhân thân:

+ Bản án số 62/2005/HSST ngày 23/8/2005 của Tòa án nhân dân huyện S, xử phạt Nguyễn Văn T 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chịu án phí HSST 50.000 đồng. Ngày 07/4/2006, Nguyễn Văn T đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Bản án số 96/2010/HSST ngày 04/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Nguyễn Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, phải bồi thường cho bị hại 10.474.000 đồng (đã thi hành trong thời gian T chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, tỉnh Lào Cai), bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 640.000 đồng (hiện chưa có đơn yêu cầu), chịu án phí HSST 200.000 đồng, án phí DSST 557.700 đồng. Ngày 04/11/2010, T đã thi hành xong phần án phí. Ngày 30/01/2013, T chấp hành xong hình phạt tù.

+ Quyết định khởi tố bị can số 38 ngày 22/02/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện S đối với Nguyễn Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/02/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy). Có mặt.

- **Bị hại:** Ông Lý Văn T, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Nguyễn Văn A, sinh ngày 01/8/2003. Trú tại: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người giám hộ: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (bố đẻ chị Văn A).

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

+ Ông Riêu Ngọc H sinh năm 1960. Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/10/2018, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Đức L, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó L đi bộ dọc theo bờ sông Phó Đáy đến khu vực Trường Trung học phổ thông S thuộc tổ dân phố T, thị trấn S, thấy không có người trông coi nên L dùng chân phải đạp thùng tường rào rồi chui vào nhà để xe của Nhà trường (ký hiệu A8) trộm cắp 01 xe máy Điện nhãn hiệu JVCECO, số loại SPORT màu sơn đen, biển kiểm soát 22 MĐ-014.21 của chị Nguyễn Vân Anh, sinh năm 2003, trú tại thôn P, xã P, huyện S (là học sinh lớp 10A8, trường PTTH S gửi bảo vệ Nhà trường trông coi xe). L dắt xe máy điện qua lỗ thùng ra khỏi bờ rào nhà trường và đi về phía bờ sông Phó Đáy hướng cầu Sắt S, khi dắt đi được khoảng 100m thì L điện thoại di động cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố Tân Kỳ, thị trấn S nhờ T đến đẩy xe máy điện giúp L; T đồng ý và điều khiển xe mô tô đến cùng L đẩy xe máy điện về nhà T. Sau đó L nói với T “*Xe đạp điện em vừa trộm cắp ở trường Trung học phổ thông S*” và L bảo T cho cầm xe máy điện lấy số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), T đồng ý và đưa cho L số tiền 1.000.000 đồng, L cầm tiền và đi xuống Hà Nội chi tiêu hết số tiền trên.

Khoảng 16 giờ cùng ngày sau khi học xong chị Nguyễn Vân A ra lấy xe máy điện để về nhà thì phát hiện bị trộm cắp. Sau đó chị Vân Anh đã trình báo bảo vệ nhà trường là ông Lý Văn T, sinh năm 1963, trú tại tổ dân phố T, thị trấn S và ông T tố giác sự việc đến Công an thị trấn S để giải quyết theo quy định.

Quá trình kiểm tra, xác minh tố giác trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã tạm giữ chiếc xe máy điện trên tại nhà Nguyễn Văn T và tiến hành Yêu cầu định giá tài sản theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140 ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S. Kết luận: 01 xe máy Điện nhãn hiệu JVCECO, số loại SPORT màu sơn đen, biển kiểm soát 22 MĐ-014.21 của chị Nguyễn Vân Anh tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá **13.580.000đ** (Mười ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 68/CT-VKSND ngày 11/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phân xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức L từ 27 (Hai mươi bảy) đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản, biên bản xác minh hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 30/10/2018, tại Trường Trung học phổ thông S thuộc tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn S, huyện S. Nguyễn Đức L đã có hành vi trộm cắp 01 xe máy Điện nhãn hiệu JVCECO, số loại SPORT màu sơn đen, biển kiểm soát 22 MĐ-014.21 trị giá 13.580.000đ (*Mười ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) của bị hại Lý Văn Toàn. Nguyễn Văn T biết rõ xe máy điện do Nguyễn Đức L trộm cắp mà có nhưng vẫn cho Nguyễn Đức L cầm (cầm cố) xe máy điện lấy số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức L đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo có hai tiền án, tại Bản án số 45 ngày 26/01/2016 của TAND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt 11.160.000 đồng) và Bản án số 59 ngày 05/9/2017 của TAND huyện S đã xác định hành vi của bị cáo là “*Tái phạm*” và xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản

(tài sản chiếm đoạt 2.500.000 đồng). Bị cáo chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hành vi của Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo theo các tội danh và điều luật như Cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số 126/2015/HSST ngày 22/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt Nguyễn Văn T 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 09/02/2018, Nguyễn Văn T chấp hành xong toàn bộ bản án, bị cáo chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này của bị cáo T bị coi là tái phạm theo quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Kim L (Nguyễn Thị L) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lừa dối ý trực tiếp, với mục đích vụ lợi, bị cáo Nguyễn Đức L đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác; bị cáo Nguyễn Văn T biết là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Bản thân các bị cáo là người sử dụng ma túy, có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các hành vi phạm tội, chưa được xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm, tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình

phạt tù giam, để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 10/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại 01 xe máy Điện nhãn hiệu JVCECO, số loại SPORT màu sơn đen, biển kiểm soát 22 MĐ-014.21 cho bị hại Lý Văn Toàn (bảo vệ nhà trường) và ông Toàn đã trả lại chiếc xe nêu trên cho chị Nguyễn Văn Anh, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lý Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Văn A đã nhận lại tài sản (xe máy điện) nên không yêu cầu bồi thường thêm. Nguyễn Văn T không yêu cầu Nguyễn Đức L phải trả lại số tiền cầm cố xe máy điện 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Đức L **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (03/5/2019).

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T **01** (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (22/02/2019).

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông Riêu Ngọc Hiến) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2019). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Vân Anh, ông Nguyễn Văn Bằng) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Khắc Viện

Ma Quốc Thế

Bàn Văn Thế

